

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST*

*Ngày: 24-8-2022*

*V/v: "Tranh chấp xin ly hôn"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nguyễn Thành Thái

**- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều* - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Thị U**, sinh năm 1968 ( có mặt)

Địa chỉ : ấp A, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

\* Bị đơn: Ông **Danh C**, sinh năm 1968

Địa chỉ : ấp A, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

( Ông Danh C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 26-10-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị U trình bày:* Bà và ông Danh C thành lập gia đình với nhau vào năm 1989, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không hợp nhau, ông C thường hay đánh đập bà gây mất trật tự địa phương nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, tuy bản thân bà rất muốn duy trì cuộc hôn nhân này để các con được vui vẻ và chăm lo cho con, nhưng cố gắng không thành cứ duy trì mãi thì chỉ gây mâu thuẫn kéo dài. Hai vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Quá trình chung sống bà và ông Danh C có 05 người con chung tên : 1/ Thị Diễm L, sinh năm 1990; 2/Danh Thanh T, sinh năm 1992; 3/ Danh Khánh V, sinh năm 1995; 4/ Danh Khánh Ph, sinh năm 1999; 5/Danh Nhựt A, sinh ngày 16-02-2005.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Thị U yêu cầu :

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Danh C

- Về con chung: Hiện nay các con 1/ Thị Diễm L, sinh năm 1990; 2/Danh Thanh T, sinh năm 1992; 3/ Danh Khánh V, sinh năm 1995; 4/ Danh Khánh Ph, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà U đồng ý giao con tên Danh Nhựt A, sinh ngày 16-02-2005 cho ông Danh C chăm sóc, nuôi dưỡng, bà không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-8-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Danh C trình bày: Ông C thống nhất về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà U trình bày, nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà U:

Ông C thừa nhận, trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hạnh phúc nữa. Hai người tuy sống chung nhà nhưng tự ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Ông C thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân ông và bà U cũng có vài lần xô xát, đánh nhau nhưng do lúc nóng giận không kiềm chế được bản thân. Bà U tự động bỏ nhà ra đi ông không có xua đuổi. Vì không muốn các con buồn nên ông không đồng ý ly hôn với bà U, xin được hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Hiện nay, các con 1/ Thị Diễm L, sinh năm 1990; 2/ Danh Thanh T, sinh năm 1992; 3/ Danh Khánh V, sinh năm 1995; 4/ Danh Khánh Ph, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông C đồng ý nuôi con tên Danh Nhựt A, sinh này 16-02-2005, không yêu cầu bà Thị U phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị U.

### **NHẬN ĐỊNH:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21-10 -2021 bà Thị U có đơn khởi kiện xin ly hôn với Danh C. Đây là vụ án “Tranh chấp xin ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch. Bị đơn ông Danh C có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị U và ông Danh C thành lập gia đình với nhau trên cơ sở nhân nhân hoàn toàn tự nguyện, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật - Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, theo bà U nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cãi. Ông C thường hay đánh đập bà gây mất trật tự địa phương nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau một thời gian dài. Đến năm 2015 thì vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau cho đến nay và

vấn đề này cũng được ông C thừa nhận, tuy nhiên ông C không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng không muốn các con buồn nên xin được hàn gắn đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà U và ông C đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C để ổn định cuộc sống. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*.

Mặt khác, tại phiên hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay, Toà án đã kiên trì hoà giải nhằm động viên ông bà hàn gắn đoàn tụ nhưng không kết quả, bà U xác định hiện nay không còn tình cảm với ông C và vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà U và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của bà U xin ly hôn ông C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Thị U và ông Danh C xác nhận ông, bà có 05 người con chung. Hiện nay các con 1/ Thị Diễm L, sinh năm 1990; 2/ Danh Thanh T, sinh năm 1992; 3/ Danh Khánh V, sinh năm 1995; 4/ Danh Khánh Ph, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án bà U và ông C thống nhất thỏa thuận giao con tên Danh Nhựt A, sinh ngày 16-02-2005 cho ông C chăm sóc, nuôi dưỡng ( phù hợp với nguyện vọng của em Danh Nhựt A). HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của bà U và ông C phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của em Nhựt A, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải ngày 09-8-2022, Tòa án đã giải thích cho ông C về quyền yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng ông C xác định không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con và việc ông C không yêu cầu bà U phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Thị U và ông Danh C xác nhận tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Thị U và ông Danh C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Thị U là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thị U và ông Danh C.
2. Về con chung: Bà Thị U và ông Danh C xác nhận hiện nay các con 1/Thị Diễm L, sinh năm 1990; 2/Danh Thanh T, sinh năm 1992; 3/Danh Khánh V, sinh năm 1995; 4/ Danh Khánh Ph, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Thị U và ông Danh C là giao con tên Danh Nhựt A, sinh ngày 16-02-2005 cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của em Danh Nhựt A). Ông Danh C không yêu cầu bà Thị U cấp dưỡng nuôi con.

Bà Thị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Thị U và ông Danh C xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Thị U và ông Danh C cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Thị U phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà U được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009377, ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; bà U không phải nộp thêm.

*“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành Pán được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.*

6. Quyền kháng cáo: Bà Thị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Danh C vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**